

Bản án số: 410/2025/HC-PT

Ngày: 11 - 4 - 2025

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:
941/2024/TLPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 155/2024/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm
2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3483/2024/QĐ-PT ngày 11
tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Thế T, sinh năm 1949 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

1. Ông Phạm Thế V, sinh năm 1949 (vắng mặt);

Địa chỉ: 1 đường số I, khu phố D, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ
Chí Minh.

2. Ông Bùi Quốc T1, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: 12.16 lô B, chung cư A, Đường A, khu phố E, phường A, thành
phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đặng
Đức T2 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H (vắng mặt);

Địa chỉ: H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T.

3. Ủy ban nhân dân thành phố T.

Địa chỉ: A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Ủy ban nhân dân thành phố T:

- Ông Trần Cảnh P – Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (vắng mặt);

- Ông Trần Quốc S – Phó trưởng Phòng Tiếp công dân Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (có mặt);

- Ông Phạm Hoàng Anh T3 – Phó Trưởng phòng tiếp công dân Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường B, Quận B (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T).

Địa chỉ: 1 L, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số A Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Phạm Thế V, sinh năm 1949 (vắng mặt);

Địa chỉ liên hệ: 1 đường số I, khu phố D, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: D Đường số H, khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Phạm Thế T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Phạm Thế T có đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Thế V trình bày:

Nguồn gốc căn nhà số B, tổ B, khu phố B phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, trên thửa đất số 03 và một phần thửa 02 tờ bản đồ số 26, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A) thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có nguồn gốc do ông Phạm Thế T nhận chuyển nhượng ngày 03/10/2000 của ông Ngô Tấn T4 và bà Nguyễn Thị B 01 nền nhà có diện tích 300m² (diện tích thực tế là 310m² do ông T yêu cầu dành đất làm đường hẻm), phần đất này là đất tự khai phá từ trước năm 1975 không có ai tranh chấp. Hiện

trạng phần đất chuyển nhượng là nền nhà đã có các công trình phục vụ dân sinh như: cổng vào, sân nhà, nơi đặt đồng hồ nước, nơi đặt cột điện và lối đi riêng của căn nhà (có giấy xác nhận). Phần diện tích chuyển nhượng này đã được ông T4 đóng thuế đất ở từ năm 1999 trong phần đất ở của ông T4 (kèm theo biên lai đóng thuế đất ở số 001590 quyền số 32 ngày 13/10/2002 và thông báo nộp thuế nhà đất lần thứ 2 ngày 27/9/2000). Do nhu cầu về nhà ở, sau khi nhận chuyển nhượng nền nhà, ông T đã xây dựng nhà ở từ quý 1 năm 2001, được Công an Phường cấp số nhà B và số tạm trú để quản lý. Năm 2003, ông T có nhu cầu sản xuất nên có báo cáo với phường B xây dựng nhà lắp ghép nhà xưởng có diện tích 170m² và sinh sống ổn định từ đầu năm 2001 đến khi Ủy ban nhân dân Quận B tổ chức cưỡng chế căn nhà thu hồi đất.

Ngày 02/02/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 1911/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Phạm Thế T tổng số tiền là 163.131.800 đồng, được tái định cư căn hộ chung cư diện tích 80m².

Ngày 08/01/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 300/QĐ-U về giải quyết khiếu nại Quyết định số 1911/QĐ-UBND, bác yêu cầu khiếu nại của ông T cho rằng phần nhà đất của ông Phạm Thế T không nằm trong ranh thuộc dự án xây dựng khu đô thị M.

Ngày 04/5/2011, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 5541/QĐ-UBND điều chỉnh nội dung Điều 1 của Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 02/02/2010, tổng số tiền bồi thường là 236.795.000 đồng.

Ngày 12/9/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 12050/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất của ông Phạm Thế T.

Ngày 14/12/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 6063/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của ông T, với nội dung giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 300/QĐ-UBND-TTr ngày 08/01/2011.

Theo ông T, nhà đất của ông T nằm ngoài ranh dự án Khu đô thị M. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính và xem xét các hành vi sau đây:

Quyết định số 12050/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 02/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về bồi thường thiệt hại tái định cư khi thu hồi đất; Quyết định số 300/QĐ-UBND-TTr ngày 08/01/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về giải quyết khiếu nại; Quyết định số 6063/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết khiếu nại.

Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Quận B không ban hành quyết định thu hồi đất, không ban hành quyết định bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất, không ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật để cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số

12050/QĐ-UBND, Quyết định số 1911/QĐ-UBND trái quy định của pháp luật; hành vi hành chính không ban hành các quyết định hành chính trên của Ủy ban nhân dân Quận B là hành vi hành chính không hành động (không làm) là trái quy định của pháp luật;

Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Quận B chỉ đạo, tổ chức thực hiện hành vi cưỡng chế tháo dỡ nhà ở số B theo Quyết định số 12050/QĐ-UBND ngày 12/09/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B vào lúc 08 giờ ngày 31/10/2012 là hành vi hành chính hành động (làm) trái quy định của pháp luật.

Hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 1911/QĐ-UBND về bồi thường, Quyết định số 12050/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất là hành vi hành chính hành động (làm) trái quy định của Pháp luật;

Hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B - không căn cứ vào các quy định của Pháp luật đã ban hành Quyết định số 300/QĐ-UBND-TTr về giải quyết khiếu nại là hành vi hành chính trái quy định của Pháp luật;

Hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H không căn cứ vào các quy định của pháp luật đã ban hành Quyết định số 6063/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 về giải quyết khiếu nại là hành vi hành chính trái quy định của Pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có văn bản trình bày ý kiến như sau:

1. Nội dung khởi kiện của ông Phạm Thế T

Ông Phạm Thế T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 6063/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 300/QĐ-UBND-TTr ngày 08/01/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về giải quyết khiếu nại của ông Phạm Thế T liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu đô thị M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T cho rằng nhà đất của ông T nằm ngoài ranh quy hoạch Khu đô thị M,

2. Cơ sở để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 26/6/2015:

Về pháp lý sử dụng nhà, đất của ông Phạm Thế T, nội dung khiếu nại và kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan chức năng được nêu cụ thể tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 6063/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và đến nay rà soát không có tình tiết mới.

Ủy ban nhân dân Quận B đã xác định vị trí nhà, đất tại số B Tổ B, khu phố B, phường B, Quận B của ông T thuộc vị trí ranh giới khu đất thu hồi được xác định trên bản đồ số 02/BB-BQL do Công ty Đ địa chính - công trình lập, được Sở Địa chính Nhà đất duyệt ngày 03/5/2002 và theo bản đồ hiện trạng vị trí của hộ ông Phạm Thế T lập ngày 18/9/2007 thì vị trí phần nhà đất bị giải tỏa

của ông T thuộc khu đất phải thu hồi để thực hiện dự án Khu đô thị M, Quận B nên việc ông Phạm Thế T cho rằng vị trí nhà, đất của ông không nằm trong ranh quy hoạch, là không có cơ sở xem xét.

Ngoài ra, theo Bản đồ hiện trạng vị trí nhà đất của hộ ông Phạm Thế T thì vị trí nhà đất bị giải tỏa của ông T thuộc Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/2000 ban hành kèm theo Quyết định 13585/KTSTQH ngày 16/9/1998 của Kiến trúc sư Trưởng Thành phố về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000 Khu đô thị M, Quận B thì vị trí nhà, đất của ông T phải thu hồi để thực hiện dự án.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6063/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 300/QĐ-UBND-TTr ngày 08/01/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Thế T (không công nhận đơn của ông Phạm Thế T cho rằng vị trí nhà, đất không nằm trong ranh quy hoạch Khu đô thị M, Quận B), là đúng quy định. Đề nghị Tòa án xét xử theo hướng giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 6063/QĐ-UBND ngày 14/12/2011.

Người bị kiện Chủ tịch và Ủy ban nhân dân thành phố T có văn bản trình bày:

- Về nguồn gốc pháp lý nhà đất:

Phần nhà đất tọa lạc tại vị trí số B, tổ B, khu phố B phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, trên thửa đất số 03 và một phần thửa 02 tờ bản đồ số 26, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A) thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, do ông Phạm Thế T sử dụng nằm trong phạm vi giải tỏa Khu đô thị M theo Quyết định thu hồi và giao đất số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Ngày 21/11/2018, Ủy ban nhân dân phường B có giấy xác nhận hồ sơ pháp lý số 731/UBND-XN đối với phần nhà đất nêu trên do ông Phạm Thế T là chủ sử dụng.

Ngày 02/02/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 1911/QĐ-UBND bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho ông Phạm Thế T tổng số tiền là 163.131.800 đồng, được tái định cư căn hộ chung cư diện tích 80m².

Ngày 08/01/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 300/QĐ-UBND-TTr về giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 1911/QĐ-UBND, bác yêu cầu khiếu nại của ông T cho rằng phần nhà đất của ông Phạm Thế T không nằm trong ranh thuộc dự án xây dựng khu đô thị M.

Ngày 04/5/2011. Ủy ban nhân dân Q ban hành Quyết định số 5541/QĐ-UBND điều chỉnh nội dung Điều 1 của Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 02/02/2010, tổng số tiền bồi thường là 236.795.000 đồng.

Ngày 12/9/2011, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 12050/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất của ông Phạm Thế T.

- Về căn cứ pháp lý:

Quyết định số 367/TTg ngày 04/6/1996 về phê duyệt quy hoạch xây dựng Khu đô Thị M.

Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thu hồi và giao 621,4328 ha để xây dựng Khu đô Thị M. Theo đó, vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định tại Bản đồ hiện trạng vị trí số 02/BB-BQL do Công ty Đ Địa chính và công trình lập và Sở Địa chính - Nhà đất duyệt ngày 03/5/2002.

Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Quyết định số 773/2002/QĐ-UB ngày 26/02/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đơn giá đất ở để tính đền bù hỗ trợ thiệt hại.

Quyết định số 123/2006/QĐ-UB ngày 16/8/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Quyết định số 06/2009/QĐ-UB ngày 21/01/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 và Quyết định số 123/2006/QĐ-UB ngày 16/8/2006.

Trình tự thủ tục, bồi thường, hỗ trợ thiệt hại: Thu hồi đất đã thực hiện đúng với Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi bổ sung Luật đất đai năm 1998 và năm 2001; Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

Trình tự thủ tục cưỡng chế, thu hồi đất: Thực hiện đúng Luật đất đai năm 2003

Về nội dung yêu cầu của người khởi kiện:

Việc ông Phạm Thế T yêu cầu thu hồi hủy bỏ Quyết định số 12050/QĐ-UBND ngày 12/09/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về cưỡng chế thu hồi đất, với lý do vị trí nhà đất không nằm trong ranh thuộc quy hoạch xây dựng khu đô thị M là không có cơ sở, bởi lẽ: Ngày 10/5/2002 Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UB về việc thu hồi và giao 621,4328 ha để xây dựng Khu đô Thị M. Theo đó, vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định tại Bản đồ hiện trạng vị trí số 02/BB-BQL do Công ty Đ Địa chính và công trình lập và Sở Địa chính - Nhà đất duyệt ngày 03/5/2002.

Ủy ban nhân dân Quận B nhận thấy vị trí căn nhà và đất tại địa chỉ số B, tổ B, khu phố B phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, trên thửa đất số 03 và một phần thửa 02 tờ bản đồ số 26, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A) thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích khuôn viên 302,31m² nằm trong phạm vi quy hoạch xây dựng khu đô thị M thể hiện tại bản đồ số 02/BB-BQL do Công ty Đ Địa chính và công trình lập và

Sở Địa chính Nhà đất duyệt ngày 03/5/2002. Căn cứ khoản 3, Điều 39 Luật đất đai năm 2003; Căn cứ điểm 3, khoản 15, Điều 2 Quyết định số 123/2006/QĐ-UB ngày 16/8/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi bổ sung Quyết định số 135/2002/QĐ-UB ngày 21/11/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư quy định: “Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tranh chấp thì người bị thu hồi đất vẫn phải chấp hành di chuyển, giải phóng mặt bằng và giao đất đúng kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền quy định”.

Do đó, Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 12050/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất ngày 12/9/2011 là đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị K có ông Phạm Thế V và ông Nguyễn Tiến H là người đại diện trình bày:

Thông nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của người khởi kiện. Ngoài ra, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 155/2024/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thế T về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính và tuyên bố các hành vi hành chính là trái pháp luật gồm:

- Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 02/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ ông Phạm Thế T.

- Quyết định số 12050/QĐ-UBND ngày 12/09/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về cưỡng chế thu hồi đất.

- Quyết định số 300/QĐ-UBND-TTr ngày 08/01/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về giải quyết khiếu nại.

- Quyết định số 6063/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết khiếu nại.

- Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh không ban hành quyết định thu hồi đất, không ban hành quyết định bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất, không ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật để cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 12050/QĐ-UBND, Quyết định số 1911/QĐ-UBND;

- Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Thành phố T) chỉ đạo, tổ chức thực hiện hành vi cưỡng chế tháo dỡ nhà ở số B theo Quyết

định số 12050/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B vào lúc 08 giờ ngày 31/10/2012.

- Hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Thành phố T) ban hành Quyết định 1911/QĐ-UBND về bồi thường, Quyết định 12050/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất.

- Hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Thành phố T) không căn cứ vào các quy định của Pháp luật đã ban hành Quyết định số 300/QĐĐ-UBND-TTr ngày 08/01/2011 về giải quyết khiếu nại;

- Hành vi hành chính của Chủ tịch của Ủy ban nhân dân Thành phố H không căn cứ vào các quy định của Pháp luật đã ban hành Quyết định số 6063/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 về giải quyết khiếu nại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Trong phần tranh luận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Thế T cho rằng thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà người bị kiện ban hành các quyết định bồi thường, hỗ trợ, cưỡng chế và quyết định giải quyết khiếu nại là không đúng quy định của pháp luật cụ thể: không có quyết định cá biệt thu hồi đất của từng cá nhân bị thu hồi; căn cứ thu hồi đất là sai; không công khai quy hoạch; phần đất bị thu hồi không nằm trong ranh quy hoạch Khu đô thị T; quyết định cưỡng chế căn cứ vào văn bản đã hết hiệu lực pháp luật... Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bị kiện vắng mặt. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên nội dung đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc được Tòa án triệu

tập hợp lệ. Căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Ông Phạm Thế T quản lý, sử dụng căn nhà và đất tại địa chỉ số B, tổ B, khu phố B phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, trên thửa đất số 03 và một phần thửa 02 tờ bản đồ số 26, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A) thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có diện tích khuôn viên 302,31m². Nguồn gốc do ông T nhận chuyển nhượng ngày 03/10/2000 của ông Ngô Tấn T4 và bà Nguyễn Thị B 01 nền nhà có diện tích 300m² (diện tích thực tế là 310m² do ông T yêu cầu dành đất làm đường hẻm).

[3] Thực hiện Quyết định số 367/TTg ngày 04/6/1996 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch xây dựng Khu đô thị M, Ủy ban nhân dân Thành phố H đã ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UB ngày 10/5/2002 về việc thu hồi và giao 621,4328 ha đất để xây dựng Khu đô thị M. Theo đó, vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định tại Bản đồ hiện trạng vị trí số 02/BB-BQL do Công ty Đ Địa chính và công trình lập và Sở Địa chính - Nhà đất duyệt ngày 03/5/2002. Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí nêu trên và bản đồ hiện trạng vị trí của hộ ông T lập ngày 18/9/2007 thì vị trí nhà, đất tại số B Tổ B, khu phố B, phường B, Quận B của ông T thuộc khu đất phải thu hồi để thực hiện dự án Khu đô thị M.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (cũ) đã ban hành các Quyết định 1911/QĐ-UBND ngày 02/02/2010 bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định 12050/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 về việc cưỡng chế thu hồi đất khi thu hồi phần đất của ông T là có căn cứ.

[4] Ông T cho rằng việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là thành phố T) đối với phần đất của ông là không đúng quy định pháp luật vì không có quyết định thu hồi đất đối với hộ ông T, các quyết định được ban hành không đúng thẩm quyền và phần đất không thuộc quy hoạch xây dựng khu đô thị M.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 02/BB-BQL do Công ty Đ Địa chính và công trình lập, Sở Địa chính- Nhà đất duyệt ngày 03/5/2002; bản đồ hiện trạng vị trí của hộ ông T lập ngày 18/9/2007; Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/2000 ban hành kèm theo Quyết định 13585/KTSTQH ngày 16/9/1998 của Kiến trúc sư Trưởng Thành phố về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000 Khu đô thị M, Quận B; Thông báo 1169 ngày 21/7/2021 của Thanh tra Chính phủ thì vị trí nhà, đất của ông T thuộc thửa 2, thửa 3 tờ bản đồ 26, phường B, Quận B (Bản đồ địa chính 2002) nằm trong ranh quy hoạch xây dựng khu đô thị M.

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 7, khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003, điểm b khoản 2 Điều 43; khoản 1 Điều 47 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 thì thẩm quyền ban hành thẩm quyền thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất là của Ủy ban nhân dân Quận B. Mặc dù, các Quyết định

1911/QĐ-UBND ngày 02/02/2010, Quyết định số 5541/QĐ-UBND ngày 04/5/2011 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ký nhưng nội dung ban hành không sai với chính sách bồi thường, không vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 127 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003. Do đó, không cần thiết phải hủy các quyết định này với lý do vi phạm về thẩm quyền ban hành.

- Ngày 10/5/2002, Ủy ban nhân dân Thành phố H đã ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UB về việc thu hồi và giao 621,4328 ha để xây dựng Khu đô thị M. Theo hướng dẫn của Bộ T5 tại Văn bản số 361/BTNMT-ĐĐ ngày 30/01/2008, trường hợp đã có quyết định thu hồi đất của Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật về đất đai trước Luật Đất đai năm 2003 thì Ủy ban nhân dân quận, huyện không phải ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân. Do đó, dự án xây dựng khu Đô thị M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh không phải ban hành quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân có đất bị giải tỏa trong dự án.

Từ những phân tích trên có cơ sở xác định nội dung trình bày của ông T là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Do việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đối với phần đất của ông T đã được Ủy ban nhân dân Quận B thực hiện đúng quy định pháp luật, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định 300/QĐ-UBND-TTr ngày 08/01/2011; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định 6063/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 có nội dung bác khiếu nại của ông T là đúng quy định pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu để chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Thế T, sinh năm 1949 nên được miễn theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Thế T; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 155/2024/HC-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Luật Đất đai năm 1993, năm 2003 và năm 2013; Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ; Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thế T về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính và tuyên bố các hành vi hành chính là trái pháp luật gồm:

- Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 02/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ ông Phạm Thế T.

- Quyết định số 12050/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về cưỡng chế thu hồi đất.

- Quyết định số 300/QĐ-UBND-TTr ngày 08/01/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B về giải quyết khiếu nại.

- Quyết định số 6063/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về giải quyết khiếu nại.

- Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh không ban hành quyết định thu hồi đất, không ban hành quyết định bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất, không ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật để cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 12050/QĐ-UBND, Quyết định số 1911/QĐ-UBND;

- Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Thành phố T) chỉ đạo, tổ chức thực hiện hành vi cưỡng chế tháo dỡ nhà ở số B theo Quyết định số 12050/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B vào lúc 08 giờ ngày 31/10/2012.

- Hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Thành phố T) ban hành Quyết định 1911/QĐ-UBND về bồi thường, Quyết định 12050/QĐ-UBND về cưỡng chế thu hồi đất.

- Hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B (nay là Thành phố T) không căn cứ vào các quy định của pháp luật đã ban hành Quyết định số 300/QĐ-UBND-TTr ngày 08/01/2011 về giải quyết khiếu nại;

- Hành vi hành chính của Chủ tịch của Ủy ban nhân dân Thành phố H không căn cứ vào các quy định của pháp luật đã ban hành Quyết định số 6063/QĐ-UBND ngày 14/12/2011 về giải quyết khiếu nại.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phạm Thế T được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (3);
- NLQ (2);
- Lưu (10) 21b (Án BDA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu